222354.26

Công ty TNHH MTV QLN và KTTS Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
Tầng 12, Coninco Tower, 4 Tôn Thất Tùng, Kim Liên, Hà Nội

Số: 222354.26
Ngày: 22 /07/2026

**THÔNG BÁO**

V/V: Lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bảo đảm với nội dung như sau:

1. Người có tài sản đấu giá: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam ("VIBAMC") - Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Coninco Tower, số 4 phố Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Danh sách tài sản đấu giá:

| STT | Tài sản bán đấu giá | Giá khởi điểm (ĐV: đồng) |
|---|---|---|
| 1 | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 00, tờ bản đồ: 00, địa chỉ: Thôn Mễ Sơn, xã Xuân Sơn, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (nay là khu Mễ Sơn, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với dất số BH 285731, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02921 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Triều cấp ngày 13/04/2012 cho bà Phạm Thị Thanh. Tài sản này được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. | 1.260.000.000 đồng (giá bán đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)) |

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trong thời hạn 03 ngày làm việc từ ngày 23/ 07 /2026 đến trước 17h ngày 27 / 07 /2026; tại: Tầng 12, Tòa nhà Coninco Tower, số 4 phố Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chi tiết xin liên hệ: Ông: Nguyễn Văn Huyện, số điện thoại: 0914 832 245

TUQ. Chủ tịch VIBAMC
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0104346676 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bùi Công Huân

222354.26

## PHỤ LỤC I - BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|---|---|---|
| **A** | **Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố** | |
| 1 | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện |
| 2 | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện |
| **B** | **Tổng số điểm** | **100** |
| **I** | **Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá** | **19,0** |
| **1** | **Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá** | **10,0** |
| 1.1 | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc | 5,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện | 5,0 |
| **2** | **Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá** | **5,0** |
| 2.1 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 3,0 |
| **3** | **Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên**<br>**Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp** | **2,0** |
| **4** | **Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến** | **1,0** |
| **5** | **Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá** | **1,0** |
| **II** | **Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)** | **16,0** |
| **1** | **Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao** | **4,0** |
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả | 2,0 |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả | 2,0 |
| **2** | **Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)** | **4,0** |
| **3** | **Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá** | **4,0** |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật | 2,0 |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá | 2,0 |
| **4** | **Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá** | **4,0** |
| **III** | **Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản** | **57,0** |
| **1** | **Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)**<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | **15,0** |

222354.26

| | | |
|---|---|---|
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá | 12,0 |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá | 13,0 |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá | 14,0 |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên | 15,0 |
| **2** | **Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề**<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | **7,0** |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào) | 4,0 |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành | 5,0 |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành | 6,0 |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên | 7,0 |
| **3.** | **Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề**<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | **7,0** |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch) | 4,0 |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc | 5,0 |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc | 6,0 |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên | 7,0 |
| **4.** | **Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên** | **3,0** |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm | 3,0 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>Số điểm của B = (U x 3)/Y | |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y | |
| **5.** | **Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)**<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | **7,0** |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm | 4,0 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm | 5,0 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm | 6,0 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên | 7,0 |
| **6.** | **Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | **4,0** |
| 6.1 | 01 đấu giá viên | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên | 3,0 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | 4,0 |
| **7.** | **Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản** | **4,0** |

222354.26

| | | |
|---|---|---|
| | **hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)**<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | |
| 7.1 | Dưới 05 năm | 2,0 |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm | 3,0 |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên | 4,0 |
| **8.** | **Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề**<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | **5,0** |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 3,0 |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 4,0 |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 5,0 |
| **9.** | **Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)**<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng | 3,0 |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 4,0 |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên | 5,0 |
| **IV** | **Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định** | **8,0** |
| 1 | Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá<br>Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản | 3,0 |
| 2 | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với VIBAMC và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó. | 3,0 |
| 3 | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh. | 2,0 |
| **C** | **Điểm trừ theo quy định tại Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15** | |